TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HS-PT
Ngày: 13-02-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh; Ông Bùi Thế Xương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 83/2018/TLPT-HS ngày 20 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Trần Cao M do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 64/2018/HS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

Bị cáo có kháng cáo: **Trần Cao M**, sinh năm 1984 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh H (chết) và bà Hồ Thúy H; có vợ là Lê Minh H (đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016; tiền án: không; tiền sự: không; *bị cáo tại ngoại* (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Cao M và chị Lương Thị T có quan hệ tình cảm và sống chung như vợ chồng tại nhà trọ số xx thuộc Khu phố x, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre. Do thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên M nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản riêng của chị T.

Vào ngày 10/7/2018, lợi dụng lúc chị T đi làm, M điều khiển xe môtô nhãn hiệu Yamaha biển số xxBx-xxx.xx đi từ nhà đến phòng trọ nơi hai người sống chung mở cửa phòng đi đến giường ngủ lấy trộm 50.000.000 đồng để trong gối ôm rồi tẩu thoát.

Khoảng 02 ngày sau, M tiếp tục vào phòng trọ lấy thêm 50.000.000 đồng. Đến

khoảng 02 đến 03 ngày sau lần trộm thứ hai, M tiếp tục lấy thêm 50.000.000 đồng. Đến ngày 19/7/2018, M tiếp tục lấy thêm 16.000.000 đồng, 01 miếng kim loại màu vàng hiệu SJC, 01 nhẫn đeo tay kim loại màu vàng và 01chiếc lắc đeo tay kim loại màu vàng đem đi cầm, trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Đến khoảng 21 giờ ngày 19/7/2018, chị T phát hiện tiền và vàng cất giữ trước đó trong gối ôm bị mất. Qua kiểm tra, tài sản bị mất gồm: 166.000.000 đồng, 01 miếng kim loại màu vàng hiệu SJC, 01 nhẫn đeo tay kim loại màu vàng, 01chiếc lắc đeo tay kim loại màu vàng. Do nghi ngờ M là người lấy trộm tài sản nên chị T điện thoại hỏi thì M thừa nhận đã lấy trộm nên chị T trình báo Cơ quan Công an. Qua làm việc M thừa nhận hành vi phạm tội và trả lại 16.000.000 đồng, 01 miếng vàng SJC cho chị T.

Vật chứng tạm giữ: 01 xe môtô nhãn hiệu Yamaha biển số xxBx-xxx.xx, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe môtô mang tên Trần Thanh H (cha ruột của M), 01 điện thoại Nokia 105; 42 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng, 23 tờ vé số đài Vĩnh Long, 18 tờ vé số đài Bình Dương, 112 tờ vé số đài Trà Vinh, 01 miếng vàng hiệu SJC 24K, 01 nhẫn vàng 24K, 01 lắc đeo tay vàng 16K.

Tại Bản thông báo kết quả giám định số 0327/N1.18/TĐ ngày 13/8/2018 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng III kết luận: 01 miếng kim loại màu vàng hiệu SJC là vàng tinh khiết dạng miếng có khối lượng 39,2474 gram, vàng 24K; 01 nhẫn đeo tay kim loại màu vàng là vàng tinh khiết có khối lượng 7,4989 gram, vàng 24K; 01 lắc đeo tay kim loại màu vàng là hợp kim vàng, có đính đá màu trắng có khối lượng 6,8173 gram, vàng 16K.

Tại bản kết luận định giá trị tài sản số 990/KL-HĐĐG ngày 09/10/2018 của Hội đồng định giá huyện C xác định: 01 miếng vàng hiệu SJC có giá trị 36.946.305 đồng; 01 nhẫn đeo tay 24K có giá trị 6.856.570 đồng; 01 lắc đeo tay 16K có giá trị 3.817.800 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là 47.620.675 đồng.

Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C đã trả lại cho Trần Cao M: 01 xe môtô nhãn hiệu Yamaha biển số xxBx-xxx.xx; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe môtô mang tên Trần Thanh H (do ông H đã chết); 01 điện thoại Nokia 105; 42 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng; 23 tờ vé số đài Vĩnh Long; 18 tờ vé số đài Bình Dương; 112 tờ vé số đài Trà Vinh; trả lại cho chị T: 01 miếng vàng hiệu SJC 24K; 01 nhẫn vàng 24K; 01 lắc đeo tay vàng 16K.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 64/2018/HS-ST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên bố bị cáo Trần Cao M phạm "Tội trộm cắp tài sản". Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Cao M 4 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 27/11/2018, bị cáo kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Cao M từ 2 (hai) năm đến 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản".

Bị cáo nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo tạo điều kiện để bị cáo đi làm tìm kiếm thu nhập trả nợ cho gia đình và cấp dưỡng cho hai con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hành vi của bị cáo Trần Cao M lén lút chiếm đoạt tiền và vàng của chị Lương Thị T với tổng giá trị là 213.620.675 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm "Tội trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với bị cáo là đúng quy định của pháp luật, không oan, sai.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 4 (bốn) năm tù là có cơ sở. Tuy nhiên, trong phần nhận định của bản án sơ thẩm có nêu bị cáo có hai con nhỏ và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, song khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng cho bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo. Mặt khác, tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, người bị hại Lương Thị T có đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đồng thời bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có tình tiết người phạm tội đã tự thú, khai báo rõ những lần thực hiện hành vi phạm tội, đây là căn cứ để các cơ quan tiến hành tố tụng xử lý bị cáo thuộc định khung tăng nặng của "Tội trộm cắp

tài sản". Vì vậy cần xem xét, chiếu cố giảm một phần hình phạt theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm. Song, cần cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội trong một khoảng thời gian nhất định mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trước thực trạng các tội phạm xâm phạm quyền sở hữu đang có chiều hướng gia tăng. Do đó kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo không được chấp nhận.

[3] Về án phí: bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.Tuyên bố bị cáo Trần Cao M phạm "Tội trộm cắp tài sản". Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Cao M 3 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

[2] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bị cáo Trần Cao M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện C (3b);
- Công an và VKSND huyện C (2b);
- Bị cáo (1b);
- Chi cục THADS huyện C (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã T, huyện C (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Quang Sơn